

UNIT 8:

FILMS

GETTING STARTED (P1)

- romantic comedy	(n): phim hài lãng mạn
- science fiction film	(n): phim KH viễn tưởng (sci-fi)
- documentary	(n): phim tài liệu
- animation	(n) : phim hoạt họa
- action movie	(n): phim hành động
- thriller	(n): phim li kì, giật gân
- horror film	() : phim kinh dị
- frightening	(adj) : kinh khủng, khủng khiếp
- spy	(n) : điệp viên, gián điệp
- professor	(n): giáo sư, giảng viên
- male	(n) : đàn ông, con đực (giới tính)
- female	(n) : đàn bà, con cái (giới tính)
- shipwreck	(n) : nạn đắm tàu
- deserted island	(n) : đảo hoang
- fall in love	(ph-v) : phải lòng ai